

Số: 38/TB - ĐHKTKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026 (BỔ SUNG - ĐỢT 2)

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHKTKT ngày 18/6/2025 về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương;

Căn cứ Thông báo số 07/TB-ĐHKTKT ngày 6/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương về việc ban hành Thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2026;

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương thông báo tuyển sinh hệ Đại học chính quy năm 2026 (bổ sung đợt 1) như sau:

Tên trường: **Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**

Mã trường: **DKB**

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm: Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Bao gồm thí sinh thuộc tất cả các vùng miền trong cả nước

1.3. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

II. HÌNH THỨC TUYỂN SINH, NGÀNH, CHỈ TIÊU, TỔ HỢP XÉT TUYỂN, HỌC PHÍ

2.1. Hình thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương sử dụng 04 phương thức xét tuyển, gồm:

- Phương thức 1: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ);
- Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2026;

- Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2026 tổ chức; Xét tuyển theo kết quả kỳ thi SPT do Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 tổ chức;

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các phương thức tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương đều quy về thang điểm 30.

* **Phương thức 1:** Xét theo kết quả học tập THPT (Học bạ). Việc xét tuyển căn cứ vào mức “Điểm cơ sở xét tuyển D” cụ thể như sau:

- Điểm cơ sở xét tuyển: D ; với $D = D1 + D2 + D3 + \text{Ưu tiên (KV,ĐT)}$

Trong đó:

$D1$ = Điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12 môn 1 của tổ hợp môn xét tuyển;

$D2$ = Điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12 môn 2 của tổ hợp môn xét tuyển;

$D3$ = Điểm trung bình cả năm lớp 10, 11, 12 môn 3 của tổ hợp môn xét tuyển.

• Ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển: Thí sinh đủ điều kiện để nhận được đăng ký xét tuyển khi đạt điều kiện về ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển theo phương thức trên là $D \geq 15$ (xét điểm trung bình chung học bạ 6 kỳ (lớp 10, 11 và 12) của tối thiểu 03 môn. Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp (theo tổ hợp hoặc môn Toán, môn Văn và một môn khác) tối thiểu là 15/30 điểm);

• Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 20 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

• Riêng ngành Luật và ngành Luật kinh tế ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 18 điểm trở lên.

* **Phương thức 2:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2026

Gồm tổ hợp các môn tại mục 2.2.2 – Căn cứ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ngưỡng điểm xét tốt nghiệp, được áp dụng chung tại kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, Nhà trường sẽ xác định điều kiện tiếp nhận đăng ký xét tuyển cụ thể đối với thí sinh.

• Ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển: Thí sinh đủ điều kiện để đăng ký xét tuyển khi đạt điều kiện về ngưỡng điểm cơ sở xét tuyển theo phương thức trên là $D \geq 15$, Thí sinh phải có tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp (theo tổ hợp hoặc môn Toán, môn Văn và một môn khác) tối thiểu là 15/30 điểm);

• Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học, ngành Luật, Luật Kinh tế thí sinh đủ điều kiện để đăng ký xét tuyển khi đạt điều kiện theo ngưỡng bảo đảm chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

• Điểm ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào là tổng điểm 3 môn của tổ hợp xét tuyển, không nhân hệ số, được làm tròn đến 2 chữ số thập phân và là mức điểm đối với thí sinh thuộc khu vực 3

* **Phương thức 3:** Xét tuyển theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2026 tổ chức; Xét tuyển theo kết quả kỳ thi SPT do Trường ĐHSP Hà Nội năm 2026 tổ chức;

Điểm Năng lực (ĐNL) quy đổi về thang 30

Công thức quy đổi: $\text{ĐNLQĐ} = (\text{ĐNL} \times 30) / 1200$

• Riêng thí sinh đăng ký xét tuyển ngành Dược học ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 20 điểm trở lên đối với thí sinh thuộc khu vực 3.

• Riêng ngành Luật và ngành Luật kinh tế ngoài điều kiện bắt buộc trên còn căn cứ vào kết quả học tập ở bậc THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại Tốt hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8.5 trở lên và điểm thi tốt nghiệp THPT phải đạt từ 18 điểm trở lên.

* **Phương thức 4:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (điều 8).

Bảng quy đổi điểm giữa các phương thức tuyển sinh

Phương thức tuyển sinh	Kết quả học tập THPT (Học bạ)	Kết quả thi THPT năm 2026	Kết quả kỳ thi thi SPT do ĐH Hà Nội năm 2026 tổ chức	Kết quả kỳ thi ĐGNL ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2026 tổ chức
Điểm	X	A	B	ĐNL
Quy đổi	X	A=X	B=X	$=(\text{ĐNL} \times 30) / 1200$

2.2. Chỉ tiêu, các ngành và tổ hợp môn xét tuyển năm 2026

2.2.1. Tổng chỉ tiêu: 981

2.2.2. Chỉ tiêu các ngành theo phương thức và tổ hợp môn xét tuyển:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu bổ sung	Mã tổ hợp xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	7340101	102	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08,
2	Marketing	7340115	91	
3	Thương mại điện tử	7340122	23	
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	50	A00, A01, C01, C03, C14, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
5	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7510205	116	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	02	
7	Công nghệ thông tin	7480201	66	A00, A01, C01, D01, X02, X03, X06, X07, X26, X27, X56
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	20	

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu bổ sung	Mã tổ hợp xét tuyển
9	Kế toán	7340301	43	A00, A01, C01, C14, D01, D07, D10, D84, X03, X26, Y08
10	Tài chính - Ngân hàng	7340201	31	
11	Luật	7380101	43	A03, C00, C03, C07, C14, D01, D09, D10, D14, D15, D84
12	Luật kinh tế	7380107	36	
13	Quan hệ công chúng	7320108	62	C00, C01, C03, C14, D01, D66, X79
14	Truyền thông đa phương tiện	7320104	90	A00, A01, C00, C01, C03, D01, D09, D14, D15
15	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	18	C00, C03, C04, D01, D09, D10, D14, D15, D66, X26
16	Ngôn ngữ Anh	7220201	38	C00, C03, C04, D01, D10, D14, D15, D66, X79
17	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	31	C00, C03, C04, C14, D01, D14, D15, D66, X79
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	28	A01, C00, D01, D04, D14, D15, D78
19	Quản trị văn phòng	7340406	48	C00, C03, C04, D01
20	Dược học	7720201	43	A00, A11, B00, B03, C02, D01, D07, X10, X11
Tổng			981	

Bảng mã tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Lý, Hóa	D10: Toán, Địa, Tiếng Anh
A01: Toán, Lý, Tiếng Anh	D14: Văn, Tiếng Anh, Sử
A03: Toán, Lý, Sử	D15: Văn, Tiếng Anh, Địa
A11: Toán, Hóa, GDKT và PL	D66: Văn, Tiếng Anh, GDKT và PL
B00: Toán, Hóa, Sinh	D84: Toán, Tiếng Anh, GDKT và PL
B03: Toán, Văn, Sinh	X02: Toán, Văn, Tin
C00: Văn, Sử, Địa	X03: Toán, Văn, Công nghệ
C01: Toán, Văn, Lý	X06: Toán, Lý, Tin
C02: Toán, Văn, Hóa	X07: Toán, Lý, Công nghệ
C03: Toán, Văn, Sử	X10: Toán, Hóa, Tin
C04: Toán, Văn, Địa	X11: Toán, Hóa, Công nghệ
C07: Văn, Lý, Sử	X26: Toán, Tiếng Anh, Tin
C14: Toán, Văn, GDKT và PL	X27: Toán, Tiếng Anh, Công nghệ
D01: Toán, Văn, Tiếng Anh	X56: Toán, Tin, Công nghệ
D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh	X79: Văn, Tiếng Anh, Tin
D09: Toán, Sử, Tiếng Anh	Y08: Văn, GDKT và PL, Công nghệ

* **Mức điểm ưu tiên:** Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hưởng chính sách ưu tiên

2.3. Học Phí

STT	Tên ngành	Mã ngành	Học phí/năm học	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	7340101	27.700.000	
2	Marketing	7340115	27.700.000	
3	Thương mại điện tử	7340122	25.600.000	
4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	32.700.000	
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô hệ Tiêu Chuẩn	7510205	32.700.000	
	Công nghệ kỹ thuật ô tô Hệ Việt Hàn	7510205	36.300.000	
	Công nghệ kỹ thuật ô tô Hệ Quốc tế	7510205	45.400.000	
	Công nghệ ô tô điện	7510205	32.700.000	
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	31.800.000	
7	Công nghệ thông tin	7480201	30.300.000	
8	Kỹ thuật phần mềm	7480103	31.900.000	
9	Kế toán	7340301	27.700.000	
10	Tài chính - Ngân hàng	7340201	27.700.000	
11	Luật	7380101	29.800.000	
12	Luật Kinh tế	7380107	29.800.000	
13	Quan hệ công chúng	7320108	29.800.000	
14	Truyền thông đa phương tiện	7320104	29.800.000	
15	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	7810202	27.600.000	
16	Ngôn ngữ Anh	7220201	29.800.000	
17	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	29.800.000	
18	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	29.800.000	
19	Quản trị văn phòng	7340406	27.000.000	
20	Dược học	7720201	49.800.000	

Handwritten signature

- Quy đổi điểm tiếng Anh

Stt	Chứng chỉ tiếng Anh	Điểm tiếng Anh quy đổi sang thang điểm 10						
		5.0	6.0	7.0	8.0	9.0	9.5	10
1	IELTS	4.0	4.5	5.0	5.5	6	6.5	7 +
2	TOEFL iBT	28 - 31	32 - 34	35 - 45	46 - 59	60 - 78	79 - 93	94 +
3	TOEIC(Reading/Listening)	390 - 545	550 - 625	630 - 705	710 - 780	785 - 860	865 - 940	945 +
4	TOEIC(Writing/Speaking)	200 - 235	240 - 250	260 - 280	290 - 300	310 - 330	340 - 350	360 +
5	CEFR	B1	B1 +	B2 -	B2	B2 +	C1 -	≥ C1

III. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN, LỆ PHÍ XÉT TUYỂN

3.1. Hồ sơ dự tuyển gồm có:

Thí sinh đăng ký dự tuyển và nhập học tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương bằng các phương thức xét tuyển cần nộp các hồ sơ sau:

-Bản sao chứng thực: Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2025 trở về trước);

-Bản sao chứng thực: Học bạ THPT; giấy khai sinh và căn cước công dân;

-Bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2026 (đối với thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp năm 2026);

-01 ảnh 3x4; Sổ đoàn viên hoặc hồ sơ chuyển sinh hoạt Đảng (nếu có);

-Bản sao chứng thực: Giấy xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

*Riêng đối với thí sinh xét theo kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2026 và Kết quả kỳ thi SPT do ĐHSP Hà Nội năm 2026 tổ chức cần nộp thêm Bản gốc giấy chứng nhận điểm thi.

3.2. Thời gian nhận hồ sơ và công bố kết quả

- Thời gian nhận hồ sơ và công bố kết quả:

Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 16/9/2026 đến ngày 30/11/2026

Thời gian công bố kết quả: dự kiến 07/12/2026. Thời gian nhập học dự kiến trước 25/12/2026

3.3. Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ

IV. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ, NỘP HỒ SƠ XÉT TUYỂN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

4.1. Cách thức đăng ký, nộp hồ sơ xét tuyển

Thí sinh có thể thực hiện việc đăng ký xét tuyển theo 01 trong 02 cách sau:

- Đến và nộp hồ sơ nộp trực tiếp tại Phòng Tuyển sinh của Trường theo địa chỉ: Số 333 đường Thuận Giao 16, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

4.2. Địa chỉ liên hệ:

PHÒNG TUYỂN SINH – TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH DƯƠNG

Đ/c: Số 333 Đường Thuận Giao 16, Phường Thuận Giao, Thành phố Hồ Chí Minh;

Điện thoại: 0287.108.1979; Hotline: 0977.61.55.61- 0888.61.66.61;

+ Website: www.ktkk.edu.vn + Email: tuyensinh@ktkk.edu.vn

+ Fanpage: <https://www.facebook.com/dhkinhtekythuatbinhduong/>

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT.



TS. LS. Nguyễn Thị Thu Hà